

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2020/DS-PT.

Ngày 25-11-2020.

V/v tranh chấp HĐ tặng cho
quyền sử dụng đất và hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Tâm

Ông Phạm Văn Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/TLPT- DS ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã TB bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2020/QĐPT-DS ngày 4 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1934; bà Đinh Thị E, sinh năm 1947; cùng địa chỉ: Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Đ, bà E: Chị Trương Thị M, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố AT, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2020 và ngày 09/6/2020); có mặt.

Bị đơn: Chị Trương Thị U, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị U: Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: 118/1A, đường số 8, phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam; địa chỉ trụ sở:

Số 108, đường Trần Hưng Đ, quận HK, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền là Ông Lâm Hiếu N – chức vụ Phó phòng tổng hợp (văn bản ủy quyền số 913/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018). Trụ sở chi nhánh: 1564A1, km32, Quốc lộ 22, khu phố AB, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Anh Trương Văn Y, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của ông Đ, bà E – Chị Trương Thị M trình bày:

Ông Trương Văn Đ và bà Đinh Thị E là chủ sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 598,4m², thửa 1037, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ, bà E được cấp năm 1994 và cấp lại ngày 25/10/2006. Trên đất ông bà có xây dựng nhà ở và các công trình phụ khác, là tài sản còn lại duy nhất của ông bà. Chị Trương Thị U là con gái của ông Đ, bà E, do chị U đã ly hôn với chồng, không có chỗ ở nên về sống chung với cha mẹ, cũng như để chăm sóc cho cha mẹ lúc tuổi già. Đến năm 2018, chị U cần vốn làm ăn nên xin cha mẹ đứng ra thế chấp đất lấy tiền cho chị nên vào ngày 10/7/2018 chị U có chở ông Đ, bà E đến Ủy ban nhân dân phường LH để ký giấy thế chấp, do hai ông bà đều lớn tuổi và tin tưởng chị U nên hai ông bà có điểm chỉ vào hồ sơ do chị U đưa mà không đọc lại nội dung nên không biết đó là giấy chuyển quyền sử dụng đất.

Đến khoảng tháng 01/2019 do cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập di chúc cho các con thì chị U nói đã sang tên phần đất trên cho chị U rồi. Ông Đ bà E đã làm đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân phường LH. Tại hai buổi hòa giải thì chị U đều thừa nhận mượn đất của ông Đ, bà E để vay tiền Ngân hàng và khi nào trả nợ ngân hàng xong sẽ sang tên đất trả lại cho ông bà. Tuy nhiên, đến nay chị U vẫn chưa sang tên đất lại cho ông Đ, bà E nên ông bà đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/7/2018 giữa vợ chồng ông Đ, bà E và chị U, lập tại Ủy ban nhân dân phường LH đối với diện tích đất nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Chị Trương Thị U - anh Hoàng Minh T trình bày:

Ngày 10/7/2018 ông Đ và bà E tự nguyện tặng cho chị U quyền sử dụng đất 598,4 m², thửa 1037, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Sau khi được đăng ký quyền sử dụng đất thì chị U thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Thực tế ông Đ, bà E đã tặng cho toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho chị U, lý do trong hợp đồng tặng cho không đề cập đến nhà và tài sản khác trên đất là do pháp luật chỉ mới công nhận quyền sử dụng đất còn nhà và tài sản khác trên

đất chưa có giấy chứng nhận. Chị U cũng thừa nhận tại buổi hòa giải tại xã LH là chị U đồng ý trả lại đất và sang tên lại cho ông Đ, bà E nhưng không thực hiện được là do hiện chị U không còn khả năng thanh toán nợ lại cho Ngân hàng và sau khi ký biên bản hòa giải ở xã LH thì nội bộ gia đình chị U xảy ra xung đột (chị U và anh Y xảy ra xô xát và chị U phải đi điều trị tại bệnh viện). Nay chị U không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà E.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam – Ông Lâm Hiếu N trình bày:

Ngày 06/6/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp TB – Phòng giao dịch PD có cho Chị Trương Thị U vay số tiền 500.000.000 đồng. Theo hợp đồng cho vay số 19010144/2019/HĐCV/NHCT664 ngày 06/6/2019, hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 19020114/2019/ HĐBĐ/NHCT664, ngày 06/6/2019, được ký kết giữa bên thế chấp tài sản là chị Trương Thị U, bên nhận thế chấp tài sản là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Khu công nghiệp TB – phòng giao dịch PD. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất có diện tích 598,4m², thửa 1037, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS15227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp. Thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn: Thả nổi (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm); lãi suất quá hạn: 50% lãi trong hạn; thời hạn trả nợ lãi: Ngày 06 hàng tháng; thời hạn trả nợ gốc: 08/6/2020. Ngày 06/6/2019 Ngân hàng giải ngân cho chị U 500.000.000 đồng. Đến ngày 04/9/2020 chị U còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 523.722.619 đồng. Nay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam yêu cầu chị U có nghĩa vụ trả số tiền gốc và số tiền lãi phát sinh đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2020) là 523.722.619 đồng và lãi phát sinh đến khi trả nợ xong.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Chị U đồng ý trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng gồm tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng và đồng ý tự nguyện giao toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý nợ của chị U.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Trương Văn Y trình bày: Anh cũng là con ruột của ông Đ, bà E. Từ nhỏ anh sống chung với cha mẹ, sau khi anh lấy vợ thì vợ chồng anh tiếp tục sinh sống chung với cha mẹ, hiện anh và con vẫn còn sống chung với ông Đ, bà E và có cùng hộ khẩu với ông bà. Phần đất tranh chấp là thuộc về cha mẹ anh, trên đất có nhà và một số công trình, cây cối khác trên đất cũng của cha mẹ anh. Anh khẳng định ông Đ, bà E chỉ cho chị U mượn quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng. Nay anh được biết chị U đã lợi dụng việc ông Đ, bà E không am hiểu pháp luật, không biết chữ và tin tưởng chị U nên chị U cho ông Đ bà E điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Trong vụ án trên anh Y đề nghị Tòa án xem xét hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

giữa cha mẹ anh với chị U.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã TB, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của Ông Trương Văn Đ, bà Đinh Thị E với Chị Trương Thị U. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Ông Trương Văn Đ, bà Đinh Thị E với Chị Trương Thị U, đối với phần đất có diện tích 598,4m², tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại: Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tranh chấp hợp đồng tín dụng với Chị Trương Thị U. Buộc Chị Trương Thị U có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền gốc, lãi tính đến ngày 04/9/2020 là 523.722.619 (Năm trăm hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm mười chín đồng) và chị U còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo lãi suất quá hạn của hợp đồng đối với khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Phần đất có diện tích 598,4m², thửa 1037, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/8/2018, Chị Trương Thị U đứng tên vẫn là tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp TB – Phòng giao dịch PĐ và sẽ được ưu tiên bán đấu giá theo quy định của pháp luật nếu chị U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

4. Ông Trương Văn Đ và bà Đinh Thị E được quyền tiếp tục sử dụng phần đất 598,4m², thửa 1037, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Sau khi Chị Trương Thị U thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp TB – Phòng giao dịch PĐ và được xóa thế chấp đối với phần đất này thì Ông Trương Văn Đ và bà Đinh Thị E được quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã TB, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CO 485324, số vào sổ cấp GCN: CS15227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/8/2018 cho Chị Trương Thị U và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho Ông Trương Văn Đ, bà Đinh Thị E theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 7/10/2020 chị U đã làm đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà E.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc

thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiên hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật; vì vậy, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị Trương Thị U vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị U là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đ, bà E và chị U, lập ngày 10/7/2018 bằng văn bản, có chứng thực của UBND xã LH (nay là phường LH, thị xã TB). Khi lập hợp đồng tặng cho ông Đ, bà E có lăn tay nhưng không ký tên. Ông Đ, bà E cho rằng ông bà đã già (tại thời điểm ký hợp đồng thì ông Đ 84 tuổi, bà E 71 tuổi) và không biết chữ nhưng khi chứng thực không có người làm chứng, ông bà không đủ minh mẫn để xem lại việc ký của mình là tặng cho tài sản hay chỉ ký giấy tờ cho chị U thế chấp đất vay tiền tại ngân hàng. Như vậy, thủ tục chứng thực chưa đảm bảo quy định tại Điều 36 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16 tháng 02 năm 2015.

[2.2] Mặt khác, tài sản nhà đất của ông Đ, bà E là duy nhất, hiện ông Đ, bà E đang sinh sống cùng với người con khác là anh Y và cháu nội trên nhà đất này. Anh Y cũng khẳng định cha mẹ anh chỉ cho chị U mượn quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng, hiện anh và con vẫn còn sống chung với ông Đ, bà E và có cùng hộ khẩu với ông bà.

Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2019 chị U cũng xác định diện tích đất tranh chấp nêu trên là tài sản của ông Đ, bà E; và chị U cũng đồng ý trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông Đ, bà E sau khi chị U trả tiền cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về sang tên lại cho ông Đ, bà E.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định ông Đ, bà E đã bị lừa dối khi ký kết hợp đồng tặng cho chị U phần đất diện tích 598,4 m², nên hợp đồng bị vô hiệu theo quy định tại Điều 127 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Do là hợp đồng tặng cho vô hiệu do bị lừa dối và ông Đ, bà E đang quản lý nhà đất nên ông Đ, bà E không có nghĩa vụ đối với chị U, nhưng chị U có nghĩa vụ hoàn trả lại QSDĐ cho ông Đ, bà E sau khi thực hiện xong nghĩa vụ với ngân hàng như cấp sơ thẩm tuyên là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị U; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Trường hợp chị U không trả tiền cho Ngân hàng và tài sản thế chấp bị phát mãi thì chị U phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Đ, bà E số tiền tương đương với số tiền Ngân hàng thu nợ và các chi phí phát mãi (nếu có) bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí dân phúc thẩm: Do kháng cáo của chị U không được chấp nhận nên chị U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Chị Trương Thị U; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các điều 123, 127, 131, 459, 463, 500, 318 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của Ông Trương Văn Đ, bà Đinh Thị E với Chị Trương Thị U.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày ngày 10/7/2018 giữa Ông Trương Văn Đ, bà Đinh Thị E với Chị Trương Thị U đối với phần đất có diện tích 598,4 m², thuộc thửa số 1037, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại: Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh vô hiệu.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam về tranh chấp hợp đồng tín dụng với Chị Trương Thị U.

Buộc Chị Trương Thị U có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp TB - Phòng giao dịch PD số tiền gốc, lãi tính đến ngày 04/9/2020 là 523.722.619 (Năm trăm hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm mười chín) đồng và chị U còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo lãi suất quá hạn của hợp đồng đối với

khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng từ ngày 05/9/2020 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2.3. Phần đất có diện tích 598,4 m², thửa 1037, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho Chị Trương Thị U ngày 16/8/2018 là tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp TB – Phòng giao dịch PD theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký ngày 06/6/2019.

2.4. Ông Trương Văn Đ và bà Đinh Thị E được quyền tiếp tục sử dụng phần đất 598,4 m², thửa 1037, tờ bản đồ 47, tọa lạc tại Khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp TB – Phòng giao dịch PD hoàn trả lại cho ông Đ, bà E giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CO 485324, số vào sổ cấp GCN: CS15227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/8/2018 cho Chị Trương Thị U sau khi chị U trả xong số tiền đã vay.

Sau khi Chị Trương Thị U thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp TB – Phòng giao dịch PD và được xóa thế chấp đối với phần đất này thì Ông Trương Văn Đ và bà Đinh Thị E được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CO 485324, số vào sổ cấp GCN: CS15227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/8/2018 cho Chị Trương Thị U và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho Ông Trương Văn Đ, bà Đinh Thị E theo quy định của pháp luật.

2.5. Trường hợp chị U không trả tiền cho Ngân hàng và tài sản thế chấp bị phát mãi thì chị U phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Đ, bà E số tiền tương đương với số tiền Ngân hàng thu nợ và các chi phí phát mãi (nếu có) bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

2.6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị U phải chịu 25.248.900 (Hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần Công Thương Việt Nam 12.560.000 (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0018247 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

2.7. Chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Đ, bà E tự nguyện chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng (đã nộp).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị U phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm dân sự, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0014543, ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND. Tx Trảng Bàng;
- CCTHADS. Tx Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh